

PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 2 BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THÀNH TRUNG
Trưởng Đại học Thành Đông

Nhận bài ngày 25/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 15/7/2026.

Abstract

Commercial contracts are essential legal instruments in the daily business operations of enterprises. For small and medium-sized enterprises, the quality of contract formation and performance directly affects their ability to mitigate risks and protect their legitimate interests in the event of disputes. This article analyzes the current legal provisions governing commercial contracts and identifies inconsistencies between the 2005 Commercial Law and the 2015 Civil Code. It also examines contract implementation practices at 35 small and medium-sized enterprises in Ward 2, Bảo Lộc, Lâm Đồng Province, from 2023 to 2025. Based on the findings, the article proposes recommendations for improving the relevant legal framework and enhancing the effectiveness of contract implementation among small and medium-sized enterprises.

Keywords: Commercial contracts, damages, dispute resolution, penalty for breach, small and medium-sized enterprises.

1. Đặt vấn đề

Doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm phần lớn tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của nhóm doanh nghiệp này được thực hiện chủ yếu qua các hợp đồng thương mại, từ mua bán hàng hóa đến cung ứng dịch vụ. Do quy mô nhỏ và thiếu nhân lực pháp lý, đây cũng là nhóm chủ thể dễ gặp rủi ro nhất trong quan hệ hợp đồng. Trong khi đó, Luật Thương mại năm 2005 sau gần hai mươi năm thi hành đã bộc lộ một số điểm chưa thống nhất với Bộ luật Dân sự năm 2015 và đang được các cơ quan có thẩm quyền rà soát, tổng kết để sửa đổi (An Văn Khoái, Phạm Nữ Quỳnh Trâm, 2025). Việc phân tích quy định hiện hành gắn với thực tiễn thực hiện tại một địa bàn cụ thể vì vậy có ý nghĩa cả về hoàn thiện pháp luật và về hỗ trợ doanh nghiệp. Bài viết chọn địa bàn Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nơi tập trung nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh trà, cà phê, nông sản và dịch vụ thương mại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về hợp đồng thương mại và pháp luật điều chỉnh

Pháp luật hiện hành không có định nghĩa riêng về hợp đồng thương mại. Luật Thương mại năm 2005¹ chỉ đưa ra khái niệm hoạt động thương mại là hoạt động có mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động sinh lợi khác (Luật Thương mại, 2005, Điều 3 khoản 1). Khi xác định hợp đồng thương mại, người áp dụng phải viện dẫn khái niệm hợp đồng tại Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kết hợp hai quy định này, khoa học pháp lý hiểu hợp đồng thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên, trong đó ít nhất một bên là thương nhân, để xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong hoạt động thương mại.

1) Quốc hội (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*, ngày 14/6/2005. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Thuong-mai-2005-36-2005-QH11-2633.aspx>.

Email: thanhtrungnguyen2412@gmail.com.

Hợp đồng thương mại có ba đặc điểm nhận diện. Về chủ thể, ít nhất một bên phải là thương nhân theo Điều 6 Luật Thương mại năm 2005, tức là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp hoặc cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Về mục đích, hợp đồng được xác lập với mục đích sinh lợi. Về hình thức, hợp đồng được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Trong hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ, hai loại hợp đồng phổ biến nhất là hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng cung ứng dịch vụ. Đây cũng là hai loại hợp đồng mà bài viết tập trung phân tích.

Về nguồn luật điều chỉnh, Điều 4 Luật Thương mại năm 2005 xác lập trật tự áp dụng ba tầng. Hoạt động thương mại trước hết tuân theo Luật Thương mại và pháp luật có liên quan. Hoạt động thương mại đặc thù áp dụng luật chuyên ngành riêng. Những vấn đề không được quy định thì áp dụng Bộ luật Dân sự. Như vậy, quan hệ hợp đồng thương mại chịu sự điều chỉnh đồng thời của luật chung và luật chuyên ngành. Sự phân tầng này hợp lý về nguyên tắc nhưng chỉ vận hành tốt khi hai tầng luật thống nhất với nhau. Thực tế cho thấy điều kiện đó chưa được bảo đảm.

2.2. Quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng thương mại và những điểm chưa thống nhất

2.2.1. Về giao kết và thực hiện hợp đồng

Trình tự giao kết hợp đồng thương mại thực hiện theo Bộ luật Dân sự năm 2015², gồm đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị giao kết. Về hình thức, Điều 24 và Điều 74 Luật Thương mại năm 2005 cho phép hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng dịch vụ được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Điều 15 của Luật thừa nhận thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý tương đương văn bản. Quy định này được phát triển bởi Luật Giao dịch điện tử năm 2023³, theo đó hợp đồng điện tử được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu và thông báo điện tử có giá trị như thông báo bằng văn bản giấy (Luật Giao dịch điện tử, 2023, Điều 3 khoản 17 và Điều 38).

Để có hiệu lực, hợp đồng thương mại phải đáp ứng các điều kiện của giao dịch dân sự tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 về năng lực chủ thể, sự tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật. Với doanh nghiệp, vấn đề thẩm quyền ký kết có ý nghĩa riêng. Hợp đồng phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ ký. Hợp đồng do người không có thẩm quyền xác lập có nguy cơ không ràng buộc doanh nghiệp.

Các quy định về thực hiện hợp đồng trong Luật Thương mại năm 2005 khá chi tiết, từ nghĩa vụ giao hàng, chất lượng, thanh toán đến chuyển rủi ro. Phần lớn quy định mang tính tùy nghi, chỉ áp dụng khi các bên không có thỏa thuận. Cách thiết kế này để cao tự do hợp đồng. Song nó cũng đặt gánh nặng lên khả năng soạn thảo của doanh nghiệp. Với những hợp đồng sơ sài, các quy định dự phòng của luật trở thành nguồn dẫn chiếu chủ yếu, trong khi doanh nghiệp nhỏ lại ít nắm được các quy định này.

2.2.2. Về chế tài do vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp

Điều 292 Luật Thương mại năm 2005 quy định sáu loại chế tài trong thương mại. Trong đó, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là hai chế tài phát sinh nhiều vướng mắc nhất.

Về phạt vi phạm, Điều 300 của Luật quy định chế tài này chỉ áp dụng khi hợp đồng có thỏa thuận. Điều 301 giới hạn mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Trong khi đó, khoản 2 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép các bên tự thỏa thuận mức phạt, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác. Hai cơ chế song song tồn tại tạo ra vấn đề xác định luật áp dụng cho từng quan hệ hợp đồng. Pháp luật cũng chưa quy định hướng xử lý khi các bên thỏa thuận vượt mức trần, khiến thực tiễn xét xử phải tự hình thành đường lối đưa mức phạt về giới hạn 8% (Trần Linh Huân, Nguyễn Phước Thanh, 2022). Nhiều nghiên cứu đánh giá mức trần 8% là thấp, làm giảm tác dụng phòng ngừa của chế tài trong điều kiện hiện nay (Nguyễn Công Tiến, 2022). Kinh nghiệm của các nước

2) Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*, ngày 24/11/2015. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>.

3) Quốc hội (2023). *Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15*, ngày 22/6/2023. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Giao-dich-dien-tu-2023-20-2023-QH15-513347.aspx>.

theo truyền thống dân luật như Pháp cho thấy hướng đi khác: các bên tự thỏa thuận mức phạt và tòa án có quyền điều chỉnh khi mức phạt quá cao hoặc quá thấp một cách rõ ràng (Calleros, 2006).

Về bồi thường thiệt hại, Điều 302 Luật Thương mại năm 2005 quy định giá trị bồi thường gồm tổn thất thực tế, trực tiếp và khoản lợi trực tiếp đáng lẽ được hưởng. Căn cứ phát sinh trách nhiệm gồm ba yếu tố tại Điều 303: có hành vi vi phạm, có thiệt hại thực tế và có quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố đó. Bên yêu cầu bồi thường phải chứng minh tổn thất theo Điều 304 và phải hạn chế tổn thất theo Điều 305. Trong thực tiễn, nghĩa vụ chứng minh thiệt hại, nhất là khoản lợi đáng lẽ được hưởng, là trở ngại lớn đối với doanh nghiệp nhỏ vốn hạn chế về hồ sơ, chứng từ (Đình Văn Cường, 2020).

Về mối quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, Điều 307 Luật Thương mại năm 2005 cho phép bên bị vi phạm áp dụng đồng thời hai chế tài khi hợp đồng có thỏa thuận phạt. Ngược lại, khoản 3 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nếu chỉ thỏa thuận phạt mà không thỏa thuận về bồi thường thì bên vi phạm chỉ phải chịu phạt. Cùng một điều khoản hợp đồng, hệ quả pháp lý khác nhau tùy văn bản áp dụng (Đình Văn Cường, 2020). Sự trái ngược này gây rủi ro trực tiếp cho doanh nghiệp khi soạn thảo điều khoản chế tài, nhất là doanh nghiệp nhỏ không có tư vấn pháp lý.

Về giải quyết tranh chấp, Điều 317 Luật Thương mại năm 2005 ghi nhận bốn phương thức gồm thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án. Một điểm cần lưu ý là thời hiệu khởi kiện tranh chấp thương mại chỉ có hai năm theo Điều 319, ngắn hơn thời hiệu ba năm của tranh chấp hợp đồng dân sự theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sự chênh lệch này thiếu cơ sở thuyết phục và bất lợi cho doanh nghiệp nhỏ, nhóm chủ thể thường kéo dài thương lượng trước khi khởi kiện.

2.3. Thực tiễn thực hiện tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Phường 2 Bảo Lộc là địa bàn có hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển của khu vực Bảo Lộc. Số doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động tăng từ 52 doanh nghiệp năm 2023 lên 63 doanh nghiệp năm 2025. Nhóm thương mại kinh doanh trà, cà phê, nông sản và vật tư chiếm tỷ trọng lớn nhất với 29 doanh nghiệp, tiếp đến là dịch vụ với 21 doanh nghiệp và sản xuất, chế biến với 13 doanh nghiệp.

Để đánh giá thực tiễn, tác giả khảo sát bằng phiếu đối với 35 doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động trên địa bàn Phường 2 Bảo Lộc, chiếm 55,6% tổng số doanh nghiệp tại địa bàn. Người trả lời là chủ doanh nghiệp, giám đốc hoặc người trực tiếp phụ trách hợp đồng. Cơ cấu mẫu bao quát ba nhóm ngành gồm thương mại, dịch vụ và sản xuất, chế biến. Kết quả khảo sát cho thấy bốn nhóm phát hiện chính.

Thứ nhất, ý thức giao kết bằng văn bản đã hình thành nhưng chưa vững. Có 40,0% doanh nghiệp giao kết chủ yếu bằng văn bản và 20,0% kết hợp nhiều hình thức. Ngược lại, 22,9% vẫn thỏa thuận miệng qua điện thoại và 17,1% trao đổi qua email, tin nhắn. Việc thỏa thuận miệng khiến doanh nghiệp gần như không có chứng cứ khi tranh chấp. Các trao đổi qua ứng dụng nhắn tin thì phân tán, khó chứng minh giá trị pháp lý trong tố tụng. Tình trạng này phổ biến trong mua bán nông sản, nơi tập quán chốt giá qua điện thoại theo diễn biến thị trường vẫn chi phối.

Thứ hai, thỏa thuận giữa các bên thiếu các điều khoản phòng vệ. Các nội dung về đối tượng và giá đạt tỷ lệ trên 90%. Nhưng chỉ 34,3% doanh nghiệp có thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và 25,7% có thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. Theo Điều 300 Luật Thương mại năm 2005, chế tài phạt chỉ áp dụng khi có thỏa thuận. Gần hai phần ba doanh nghiệp vì vậy đã tự bỏ công cụ chế tài quan trọng nhất ngay từ khâu soạn thảo. Nguyên nhân gắn với thực tế 82,9% doanh nghiệp được khảo sát không có nhân sự pháp lý và 51,4% không rà soát pháp lý trước khi ký.

Thứ ba, vướng mắc khi thực hiện hợp đồng diễn ra thường xuyên, tập trung ở khâu thanh toán. Có 74,3% doanh nghiệp gặp tình trạng đối tác chậm thanh toán, 42,9% gặp giao hàng chậm hoặc sai chất lượng và 37,1% gặp khó khăn do biến động giá. Với hàng nông sản, giá trà và cà phê biến động mạnh giữa thời điểm chốt hợp đồng và thời điểm giao hàng, làm phát sinh tình trạng một bên bỏ cọc hoặc yêu cầu đàm phán lại giá. Cơ chế thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 hầu như chưa được doanh nghiệp biết đến.

Thứ tư, năng lực áp dụng chế tài của doanh nghiệp còn yếu. Khi đối tác vi phạm, 54,3% doanh nghiệp chỉ thương lượng, nhân nhượng và 14,3% bỏ qua, chấp nhận thiệt hại. Chỉ 17,1% yêu cầu phạt vi phạm hoặc bồi thường theo hợp đồng, 8,6% nhờ hòa giải và 5,7% khởi kiện. Thương lượng phù hợp với quan hệ kinh doanh tại địa bàn nhỏ. Song khi thương lượng thất bại mà hợp đồng không có điều khoản chế tài và doanh nghiệp không lưu giữ chứng cứ, việc nhân nhượng thực chất là buông bỏ quyền lợi hợp pháp. Kết quả khảo sát về nguyên nhân cho thấy 34,3% doanh nghiệp không nắm được quy định, 25,7% thiếu nhân sự am hiểu pháp luật và 22,9% cho rằng quy định giữa các văn bản chưa thống nhất. Về nhu cầu hỗ trợ, 80,0% doanh nghiệp mong muốn được cung cấp mẫu hợp đồng chuẩn và 62,9% cần tập huấn pháp luật về hợp đồng. Nhu cầu này phản ánh khoảng trống của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại cơ sở, vốn còn hạn chế về nguồn lực và hình thức triển khai (Nguyễn Ngọc Khánh, 2020).

Kết quả khảo sát về mức độ tiếp cận pháp luật cũng cho thấy vấn đề từ phía quy định. Chỉ 14,3% doanh nghiệp đánh giá quy định hiện hành là rõ ràng, dễ áp dụng. Có 42,9% cho rằng cơ bản rõ nhưng còn điểm khó hiểu, 22,9% đánh giá khó hiểu, khó áp dụng và 20,0% không nắm được quy định. Đánh giá này trùng khớp với các điểm thiếu thống nhất giữa hai văn bản luật đã phân tích tại mục 2.2.

2.4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp cho doanh nghiệp

2.4.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Một là, bổ sung khái niệm hợp đồng thương mại vào Luật Thương mại sửa đổi. Việc thiếu ranh giới giữa hợp đồng thương mại và hợp đồng dân sự gây hệ quả trực tiếp đến mức phạt vi phạm và thời hiệu khởi kiện. Kết quả khảo sát cho thấy 22,9% doanh nghiệp coi sự thiếu thống nhất giữa các văn bản là khó khăn lớn nhất khi áp dụng pháp luật. Khái niệm nên quy định theo hướng: hợp đồng thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên, trong đó ít nhất một bên là thương nhân, để xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong hoạt động thương mại (An Văn Khoái, Phạm Nữ Quỳnh Trâm, 2025).

Hai là, sửa đổi quy định về mức phạt vi phạm tại Điều 301 Luật Thương mại năm 2005. Hướng sửa gồm nâng mức trần hoặc trao cho tòa án, trọng tài quyền điều chỉnh mức phạt bất hợp lý thay cho cơ chế trần cứng, tham khảo kinh nghiệm của pháp luật Pháp (Calleros, 2006). Đồng thời cần bổ sung quy định xử lý trường hợp thỏa thuận vượt trần theo hướng phần vượt không có hiệu lực, phần còn lại vẫn được áp dụng. Quy định rõ sẽ chấm dứt tình trạng mỗi bản án xử một khác (Nguyễn Công Tiến, 2022).

Ba là, thống nhất quy định về mối quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Tác giả kiến nghị sửa khoản 3 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng của Điều 307 Luật Thương mại năm 2005. Phạt vi phạm là chế tài răn đe do các bên thỏa thuận trước. Bồi thường thiệt hại là trách nhiệm bù đắp tổn thất thực tế phát sinh theo luật định. Hai chế tài có bản chất khác nhau, nên việc có thỏa thuận phạt không thể làm mất quyền đòi bồi thường tổn thất thực tế (Đình Văn Cường, 2020).

Bốn là, nâng thời hiệu khởi kiện tranh chấp thương mại tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 từ hai năm lên ba năm, thống nhất với Bộ luật Dân sự. Doanh nghiệp nhỏ thường kéo dài thương lượng trước khi khởi kiện. Khảo sát cho thấy 54,3% doanh nghiệp chọn thương lượng khi bị vi phạm. Thời gian thương lượng kéo dài có thể làm hết thời hiệu mà doanh nghiệp không biết.

Năm là, hoàn thiện quy định về giá trị chứng cứ của giao dịch điện tử. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã ghi nhận hợp đồng điện tử (Quốc hội, 2023). Tuy vậy, việc đánh giá chứng cứ là các trao đổi qua thư điện tử, tin nhắn trong tổ tụng còn thiếu hướng dẫn thống nhất. Khi sửa Luật Thương mại, cần dẫn chiếu trực tiếp đến Luật Giao dịch điện tử năm 2023. Tòa án nhân dân tối cao cũng cần ban hành hướng dẫn về đánh giá chứng cứ điện tử trong tranh chấp kinh doanh, thương mại, gồm điều kiện xác thực nguồn gốc thông điệp và trách nhiệm lưu trữ của các bên.

2.4.2. Giải pháp cho doanh nghiệp trên địa bàn

Giải pháp thứ nhất là xây dựng bộ mẫu hợp đồng cho các giao dịch phổ biến tại địa bàn gồm mua bán trà, cà phê, nông sản và cung ứng dịch vụ. Mẫu hợp đồng phải có đủ các điều khoản doanh nghiệp

hay bỏ sót: phạt vi phạm với mức trong giới hạn 8%, bồi thường thiệt hại và phương thức giải quyết tranh chấp. Đây là giải pháp đáp ứng nhu cầu của 80,0% doanh nghiệp được khảo sát. Sở Tư pháp có thể phối hợp với đoàn luật sư xây dựng, chính quyền phường cung cấp miễn phí.

Giải pháp thứ hai là hoàn thiện quy trình hợp đồng tại doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp lập danh mục kiểm tra trước khi ký, gồm kiểm tra tư cách và thẩm quyền của đối tác, đối chiếu các điều khoản cơ bản và xác nhận đã có điều khoản chế tài. Với thỏa thuận qua điện thoại, doanh nghiệp cần xác nhận lại bằng văn bản hoặc tin nhắn có nội dung rõ về số lượng, giá và thời hạn giao hàng, đồng thời lưu trữ toàn bộ trao đổi điện tử theo từng giao dịch. Cách làm này không đòi hỏi nhân sự pháp lý chuyên trách nên phù hợp với đa số doanh nghiệp tại địa bàn.

Giải pháp thứ ba là phòng ngừa vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Doanh nghiệp cần thẩm định đối tác qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi ký. Với giao dịch giá trị lớn, doanh nghiệp nên dùng các biện pháp bảo đảm như đặt cọc hoặc bảo lãnh thanh toán của ngân hàng để giảm rủi ro chậm thanh toán, vướng mắc của 74,3% doanh nghiệp được khảo sát. Với hợp đồng nông sản có thời hạn giao hàng dài, các bên nên thỏa thuận điều khoản điều chỉnh giá khi giá thị trường biến động vượt một ngưỡng xác định. Điều khoản này giảm động cơ phá vỡ hợp đồng khi giá thay đổi mạnh.

Giải pháp thứ tư là tăng cường hỗ trợ pháp lý tại cơ sở. Chính quyền phường đưa nội dung hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp vào kế hoạch công tác hằng năm, phân công công chức tư pháp làm đầu mối, tổ chức tập huấn ngắn theo quý về những quy định doanh nghiệp hay bỏ sót như điều kiện áp dụng phạt vi phạm và thời hiệu khởi kiện hai năm. Phường cũng cần thông tin cho doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ chi phí tư vấn pháp lý dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, chính sách mà nhiều doanh nghiệp chưa biết đến (Nguyễn Ngọc Khánh, 2020).

3. Kết luận

Pháp luật về hợp đồng thương mại hiện hành về cơ bản đầy đủ nhưng còn những điểm thiếu thống nhất giữa Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015, tập trung ở khái niệm hợp đồng thương mại, mức phạt vi phạm, mối quan hệ giữa phạt vi phạm với bồi thường thiệt hại và thời hiệu khởi kiện. Khảo sát tại 35 doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Phường 2 Bảo Lộc cho thấy những điểm chưa thống nhất này cộng hưởng với hạn chế về nhận thức và nhân lực pháp lý của doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng giao kết thiếu chặt chẽ, thỏa thuận giữa các bên thiếu điều khoản phòng vệ và năng lực áp dụng chế tài yếu. Việc hoàn thiện pháp luật theo năm kiến nghị nêu trên, kết hợp với các giải pháp hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở, sẽ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ nâng cao khả năng tự bảo vệ trong quan hệ hợp đồng, qua đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại địa phương.

Tài liệu tham khảo

- An Văn Khoái, Phạm Nữ Quỳnh Trâm (2025). Một số hạn chế, vướng mắc trong áp dụng Luật Thương mại năm 2005 và kiến nghị hoàn thiện. *Tạp chí Tòa án điện tử*. <https://tapchitoaan.vn/mot-so-han-che-vuong-mac-trong-ap-dung-luat-thuong-mai-nam-2005-va-kien-nghi-hoan-thien13383.html>.
- Calleros, C. (2006). Punitive Damages, Liquidated Damages, and Clauses Pénales in Contract Actions: A Comparative Analysis of the American Common Law and the French Code Civil. *Brooklyn Journal of International Law*, 32(1), 67-118.
- Đinh Văn Cường (2020). Thực trạng pháp luật và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại và mối quan hệ giữa hai chế tài. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, 03(38), 50-55.
- Nguyễn Công Tiến (2022). Chế tài phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam. *Tạp chí Công thương*, (17), tháng 7.
- Nguyễn Ngọc Khánh (2020). Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/hoat-dong-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-tai-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-67638.htm>.
- Trần Linh Huân, Nguyễn Phước Thanh (2022). Phạt vi phạm trong hoạt động thương mại: một số bất cập và giải pháp hoàn thiện pháp luật. *Tạp chí Tòa án điện tử*: <https://tapchitoaan.vn/phat-vi-pham-trong-hoat-dong-thuong-mai-mot-so-bat-cap-va-giai-phap-hoan-thien-phap-luat5881.html>.